

Bản án số: 67/2017/HSST
Ngày: 27-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Hưng.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Bà Nguyễn Thị Chiều.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 73/2017/HSST ngày 15 tháng 9 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. **PHẠM VĂN P**, sinh năm 1989 tại xã P, huyện Đ; nơi cư trú: thôn Đ, xã P, huyện Đ, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 7/12; con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị P; có vợ và 02 con lớn sinh năm 2009 nhỏ sinh năm 2015. Danh chỉ bản số 163 lập ngày 10/7/2017 của công an huyện Đan Phượng; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: không; Có mặt.

2. **CHU VĂN Q**, sinh năm 1994 tại xã P, huyện Đ; nơi cư trú: thôn Đ, xã P, huyện Đ, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 5/12; con ông Chu Văn M và bà Nguyễn Thị G; có vợ và 01 con sinh năm 2014. Danh chỉ bản số 162 lập ngày 10/7/2017 của công an huyện Đan Phượng; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: không; Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Công T, sinh năm 1960; Địa chỉ: Khu 5, thị trấn T, huyện H, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Anh Lê Văn L, sinh năm 1991; Địa chỉ: Cụm 5, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Phạm Văn P và Chu Văn Q bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng truy tố về hành vi phạm tội như sau: Ngày 14/4/2017 Phạm Văn P gặp Chu Văn Q và hỏi Q biết chỗ nào bán xe giá rẻ thì tìm giúp, Q bảo với P đợi vài hôm sẽ báo lại cho P biết. Vì biết Lê Văn L, sinh năm 1991 ở cụm 5, xã T, huyện Đ là người hay có xe máy để bán, nên ngày 16/4/2017 Q gặp L và bảo với L “tôi có ông anh cần mua xe máy giá rẻ”. L bảo Q để L tìm

rồi báo lại. Q cho L số điện thoại của P để khi nào có xe thì L sẽ trực tiếp trao đổi với P việc mua bán xe.

Khoảng 19 giờ ngày 17/4/2017, L đi bộ đến khu 5, thị trấn Trạm Trôi, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội phát hiện 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave Anpha, biển kiểm soát 29X5 – 286.32 của ông Nguyễn Công T dựng trước cửa quán cà phê N cạnh nhà. Quan sát không có người trông giữ, L dùng vạm phá khóa lấy chiếc xe máy trên. Sau khi lấy được xe, L điện thoại cho P trao đổi việc bán xe và điều khiển xe máy vừa trộm được đến nhà P, kiểm tra xe xong P đồng ý mua với giá 3.500.000 đồng, P trả L 2.000.000 đồng còn 1.500.000 đồng hẹn tối trả nốt. Do xe không có chìa khóa, không có giấy tờ và ổ khóa bị phá, biết là xe do L trộm được, sợ bị phát hiện nên P đã gọi điện cho Q để gửi xe. Chu Văn Q đến gặp P, P nói vừa mua được xe của L cho gửi mấy hôm. Q đồng ý và cùng P mang xe đến nhà bà Nguyễn Thị G (mẹ đẻ Q) ở thôn 6, xã T, huyện Đan Phượng cất xe. Sau đó P về nhà lấy 1.500.000 đồng rồi cùng Q đi trả nốt tiền cho L.

Ngày 19/4/2017 ông Nguyễn Công T đến Công an thị trấn T trình báo việc mất xe.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 34/KL - HĐ ngày 29/5/2017 của hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đan Phượng huyện Đan Phượng kết luận chiếc xe Honda Wave Anpha, biển kiểm soát 29X5 – 286.32 , số máy HC 12E5459976, số khung 1210DY459784, có giá trị là 13.500.000 đồng.

Ngày 13/7/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hoài Đức đã khởi tố Lê Văn L về hành vi trộm cắp chiếc xe máy trên.

Tại bản cáo trạng số 71/CT-VKS ngày 13/9/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng truy tố Phạm Văn P về tội *“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”* theo khoản 1 điều 250 Bộ luật hình sự . Truy tố Chu Văn Q về tội *“Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”* theo khoản 1 điều 250 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa kiểm sát viên luận tội, giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố Phạm Văn P, Chu Văn Q và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 250, điểm h, p khoản 1 điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự, xử phạt P từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng; Xử phạt Q từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác và vật chứng thu giữ. Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận: Do có nhu cầu cần mua xe máy giá rẻ nên Phạm Văn P nhờ Chu Văn Q tìm giúp, Q đồng ý sau đó gặp Lê Văn L nhờ tìm xe và cho L số điện thoại của P để liên hệ khi có xe. Khoảng 19 giờ ngày 17/4/2017, L trộm cắp 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave Anpha, biển kiểm soát 29X5 – 286.32 có giá trị 13.500.000 đồng của ông Nguyễn Công T tại khu 5, thị trấn Trạm Trôi, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội đến bán cho Phạm Văn P với giá 3.500.000 đồng, biết là xe máy do L trộm cắp, xe không có chìa khóa, không có giấy tờ và ổ khóa bị phá , sợ bị phát hiện nên P đã gọi điện cho Q để gửi xe.

Q đồng ý và cùng P mang xe đến nhà bà Nguyễn Thị G (mẹ đẻ Q) ở thôn 6, xã Thượng Mỗ, huyện Đan Phượng cất xe. Hành vi của Phạm Văn P biết rõ là xe máy do L trộm cắp nhưng P vẫn mua bán đã phạm vào tội “ tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại khoản 1 điều 250 của Bộ luật hình sự. Hành vi của Chu Văn Q cùng P mang xe đi cất giấu khi biết rõ là xe máy do P mua xe máy trộm cắp mà có nên đã phạm tội “ chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại khoản 1 điều 250 của Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng truy tố các bị cáo theo tội danh và viện dẫn điều luật nêu trên là chính xác, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nó đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội, tạo điều kiện để cho hoạt động tội phạm về xâm phạm sở hữu phát triển. hành vi của hai bị cáo đã tiếp tay cho người khác có nơi tiêu thụ tài sản bất hợp pháp. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm để giáo dục và cải tạo hai bị cáo. Tuy nhiên, khi lượng hình hội đồng xét xử thấy các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điều 48 của Bộ luật hình sự và hai bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như sau: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, p khoản 1 điều 46 Bộ Luật hình sự để xem xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt . Xét các bị cáo đều có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và có các tình tiết giảm nhẹ nêu trên, nên chỉ cần áp dụng mức hình phạt cho các bị cáo được cải tạo, dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ cải tạo bị cáo và dẫn dắt người khác.

Đối với đối tượng Lê Văn L có hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 13/7/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội đã khởi tố để điều tra về hành vi trộm cắp và được giải quyết bằng một vụ án khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp:

Số tiền 3.500.000 đồng bị cáo Phạm Văn P bỏ ra mua xe máy của L, tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về tang vật của vụ án:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đan Phượng đã trả lại ông Nguyễn Công T xe máy nhãn hiệu Honda Wave Anpha, biển kiểm soát 29X5 – 286.32, ông T không yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn P phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Tuyên bố bị cáo Chu Văn Q phạm tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 250; các điểm h, p khoản 1 điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn P **09 (chín)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 250; Các điểm h, p khoản 1 điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Chu Văn Q **07 (bảy)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo P và Q cho UBND xã P, huyện Đ, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

3. Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Phạm Văn P và Chu Văn Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo Phạm Văn P và Chu Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Ph- ợng;
- Công an huyện Đan Ph- ợng;
- THADS huyện Đan Ph- ợng;
- Bị cáo;
- L- u hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Duy H□ng

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- Công an huyện Đan Phượng;
- THADS huyện Đan Phượng;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Duy Hưng